TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH HÓA** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-DS	*Minh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản"*;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Dương Đức T, nhân viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: số A T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:*

+ Anh Đinh Tất S, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố E, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình;

+ Chị Dương Thị Bích T1, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ dân phố E, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Tất S và chị Dương Thị Bích T1: Anh Đinh Xuân D, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2025);

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Phía bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/3/2025 là 1.489.043.571 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 1.212.358.966 đồng;

+ Tiền lãi trong hạn: 66.694.648 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: 197.514.325 đồng;

+ Tiền phạt chậm trả lãi: 12.475.632 đồng.

Cụ thể của từng khoản vay như sau:

(1) Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.4560.270.423 ngày 28/4/2023: Số tiền gốc còn nợ là 883.480.000 đồng; tiền lãi trong hạn 53.371.874 đồng (tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày đến ngày 21/5/2024); tiền lãi quá hạn: 139.566.331 đồng (tính từ ngày 22/5/2024 đến ngày 17/3/2025); tiền phạt chậm trả lãi: 9.849.141 đồng (tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày 17/3/2025).

Tổng số tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng này là: 1.086.267.346 đồng.

(2) Hợp đồng thứ 2: hợp đồng tín dụng số BDN.CN.5442.080923 ngày 09/9/2023: Số tiền gốc còn nợ là 292.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn 13.322.774 đồng (tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày đến ngày 21/5/2024); tiền lãi quá hạn: 41.890.402 đồng (tính từ ngày 22/5/2024 đến ngày 17/3/2025); tiền phạt chậm trả lãi: 2.626.491 đồng (tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày 17/3/2025).

Tổng số tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng này là: 350.339.667 đồng.

(3) Đối với thẻ tín dụng cấp cho anh Đinh Tất S số 4791392552799427 ký kết ngày 27/4/2023: hạn mức tín dụng của thẻ là 20.000.000 đồng; loại thẻ VISAGOLD; lãi suất theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Nợ gốc là 19.281.713 đồng; tiền lãi quá hạn 7.246.827 đồng (tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 17/3/2025);

Tổng số tiền nợ của khoản vay này là: 26.528.540 đồng;

(4) Đối với thẻ tín dụng cấp cho chị Dương Thị Bích T1 số 4791392552799435 ký kết ngày 27/4/2023: hạn mức tín dụng của thẻ là 20.000.000 đồng; loại thẻ VISAGOLD; lãi suất theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Nợ gốc là 17.097.253 đồng; tiền lãi quá hạn 8.810.765 đồng (tính từ ngày 10/11/2023 đến ngày 17/3/2025);

Tổng số tiền nợ của khoản vay này là: 25.908.018 đồng;

- Về phương án trả nợ: Bị đơn trả nợ từ ngày 18/3/2025 cho đến ngày 15/8/2025. Chia làm 05 kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, cụ thể:

+ Kỳ thứ nhất: trả nợ gốc 5.000.000 đồng vào ngày 15/4/2025;

+ Kỳ thứ hai: trả nợ gốc 5.000.000 đồng vào ngày 15/5/2025;

+ Kỳ thứ ba: trả nợ gốc 5.000.000 đồng vào ngày 15/6/2025;

+ Kỳ thứ tư: trả nợ gốc 5.000.000 đồng vào ngày 15/7/2025;

+ Kỳ thứ năm: trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn lại vào ngày 15/8/2025.

2.2. Ngoài ra, phía bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thẻ tín dụng của A tính từ ngày 18/3/2025 đến ngày trả nợ.

2.3. Trường hợp anh Đinh Tất S, chị Dương Thị Bích T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, phương án trả nợ thì tài thế chấp đã ký kết theo hợp đồng thế chấp tài sản số BDN.BĐCN.466.260423 ngày 28/4/2023 sẽ được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể thế chấp là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 234, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sử dụng của anh Đinh Tất S, chị Dương Thị Bích T1.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Phía bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.335.653 đồng, làm tròn thành 28.335.000 đồng đồng;

- Phía nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 25.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000626 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

2.5. Về chi phí tố tụng khác: phía bị đơn chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng với số tiền 5.000.000 đồng. Nên phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí)..